TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN BÌNH** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 04 /2020/DS-ST.
Ngày 27-7-2020
V/v"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN BÌNH, TỈNH YÊN BÁI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Kim Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Xuân Trường

Ông Nguyễn Văn Thống

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Duy– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2020/TLST – TCDS ngày 11 tháng 02 năm 2020 về việc: ***Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2020/QĐXX ST-DS ngày 15 tháng 6 năm 2020 và thông báo mở lại phiên tòa số: 03/TB-TA ngày 10/7/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Phạm Quốc A - Sinh năm 1986. - Có mặt.

Địa chỉ: SN 436, đường H, tổ 9, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Yên Bái.

Bị đơn: Anh Mai Xuân S- Sinh năm 1983 vắng mặt

Địa chỉ: SN 339, đường H, tổ 10, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Yên Bái.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 10-02-2020, bản tự khai, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn – anh Phạm Quốc A trình bày:

Do có quan hệ quen biết từ trước nên ngày 18-4-2019 tôi có cho anh Mai Xuân S vay số tiền là: 70.000.000 đồng với lý do giải quyết việc gia đình. Khi cho vay anh Mai Xuân S có viết giấy biên nhận và ký tên, trong đó ngày vay là 18-4-2019, vay số tiền 70.000.000 đồng, thời hạn vay đến ngày 18-9-2019 phải thanh toán. Anh S có để lại 01 giấy Chứng minh nhân dân của bản thân để làm tin. Ngoài ra không còn thỏa thuận gì khác. Hết thời hạn anh S không hoàn trả được khoản tiền vay cho tôi. Từ đó tới nay tôi đã yêu cầu anh S trả cho tôi khoản tiền vay nói trên nhưng anh S chưa thanh toán được cho tôi. Khoản tiền vay này là tiền của cá nhân tôi không liên quan đến vợ tôi. Khi vay chỉ có một mình anh S vay, chị Nguyễn Thị Minh H là vợ anh S không biết và không liên quan đến khoản tiền này.

Nay tôi khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Yên Bái buộc anh Mai Xuân S trả tôi số tiền gốc là: 70.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi. Tôi không yêu cầu vợ anh S là chị Nguyễn Thị Minh H phải thanh toán số tiền trên.

Tại bản tự khai ngày 21-02-2020, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ anh Mai Xuân S trình bày:

Do mối quan hệ quen biết hàng xóm với anh Phạm Quốc A, anh Phạm Quốc A có bảo tôi nợ anh 70.000.000đ nhưng thực ra là tiền lô đề tôi đánh hộ người khác và anh Phạm Quốc A là người bao lô đề. Sau đó do thua lỗ người ta không thanh toán cho tôi nên tôi chưa có để thanh toán cho anh Phạm Quốc A nên tôi có viết giấy nợ anh Phạm Quốc A số tiền 70.000.000đ. Anh Phạm Quốc A có nói với tôi là không lấy được thì thanh toán dần dần. Nay anh Phạm Quốc A làm đơn đến Tòa án thì tôi xin trình bày tất cả sự việc như trên. Tôi có tất cả những bằng chứng cụ thể và người làm chứng. Tôi xin tòa xem xét và giải quyết giúp tôi.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y phát biểu: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án:

Áp dụng Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự; Điều 147, 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Quốc A

Buộc anh Mai Xuân S phải có trách nhiệm trả cho anh Phạm Quốc A số tiền đã vay là 70.000.000đ (bẩy mươi triệu đồng).

+ Về án phí: Anh Mai Xuân S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Anh Phạm Quốc A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và qua thẩm vấn công khai tại phiên toà và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Tòa án nhân dân huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái, Thẩm phán, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành báo gọi các bên đến để tiến hành hòa giải nhưng anh Mai Xuân Sáng không đến Tòa án theo Thông báo của Tòa án nên không tiến hành hòa giải được.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các đương sự không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2]. Anh Phạm Quốc A có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Yên B, tỉnh Yên Bái giải quyết việc tranh chấp giữa anh và Anh Mai Xuân STheo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Yên Bái.

Tại phiên tòa ngày 30-6-2020 anh Mai Xuân S đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, do vậy Hội đồng xét xử phải hoãn phiên tòa. Đến phiên tòa ngày hôm nay (ngày 27/7/2020) anh Mai Xuân S đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục chung quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3]. Về việc tham gia tố tụng của chị Nguyễn Thị Thu H (Vợ anh Phạm Quốc A)

và chị Nguyễn Thị Minh H (Vợ của anh Mai Xuân S):

Trong quá trình giải quyết vụ án, tại bản tự khai ngày 25-5-2020 của chị Nguyễn Thị Thu H và Biên bản lấy lời khai ngày 10-6-2020 đối với chị Nguyễn Thị Minh H đều thể hiện không biết, không liên quan đến khoản vay nợ giữa anh A và anh S, anh Phạm Quốc A không yêu cầu chị H phải có trách nhiệm trả khoản tiền mà anh A đã cho anh S vay. Do vậy Tòa án không đưa chị H và chị H vào tham gia tố tụng trong vụ án.

[2]. Về nội dung:

Trong quá trình giải quyết anh Mai Xuân S thừa nhận có viết giấy biên nhận vay của anh Phạm Quốc A số tiền 70.000.000đ vào ngày 18-4-2019 chữ viết và chữ ký trong giấy vay nợ mà anh Phạm Quốc A cung cấp là của mình nhưng anh Mai Xuân S cho rằng đây là số tiền anh đánh lô, đề hộ người khác và anh Phạm Quốc A là người bao lô, đề. Do người nhờ anh Mai Xuân S đánh hộ thua lỗ không có tiền đưa cho anh Mai Xuân S để anh S trả cho anh Phạm Quốc A nên khi anh Phạm Quốc A bảo ghi giấy vay nợ nên anh đồng ý viết giấy vay tiền của anh Phạm Quốc A.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo cho anh Mai Xuân S về việc cung cấp địa chỉ của người làm chứng và các tài liệu chứng cứ chứng minh cho nội dung anh khai tại bản tự khai nhưng hết thời hạn theo quy định của pháp luật anh S không đến và cũng không cung cấp được địa chỉ của người làm chứng và các tài liệu chứng cứ chứng minh cho nội dung anh khai tại bản tự khai.

Như vậy đã có đủ căn cứ xác định giữa anh Phạm Quốc A và anh Mai Xuân S có xác nhận Hợp đồng vay tài sản được thể hiện bằng một giấy biên nhận vay tiền do anh Mai Xuân S viết ngày 18-4-2019 với số tiền 70.000.000đ thuộc loại Hợp đồng vay có kỳ hạn, không có lãi. Việc xác lập quan hệ vay tài sản của hai bên là phù hợp quy định của pháp luật nên Hợp đồng vay tài sản giữa anh Phạm Quốc Avà anh Mai Xuân S ngày 18-4-2019 là hợp pháp.

Số tiền mà anh Mai Xuân S vay của anh Phạm Quốc A là 70.000.000đ. Vì vậy cần buộc anh Mai Xuân S phải trả cho anh Phạm Quốc A số tiền là 70.000.000đ.

Việc anh Phạm Quốc A không yêu cầu tính lãi đối với số tiền trên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Anh Mai Xuân S phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Phạm Quốc A không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[4]. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 2 Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, khoản 1 Điều 470 Bộ luật Dân sự.

Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc anh Mai Xuân S phải thanh toán trả anh Phạm Quốc A số tiền là 70.000.000 đồng *(Bảy mươi triệu đồng chẵn)*.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự..

Về án phí: Anh Mai Xuân S phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 3.500.000 đồng.

Anh Phạm Quốc A không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Anh Phạm Quốc A được hoàn trả lại: 1.750.000 đồng tiền tạm ứng án phí anh đã nộp tại biên lai số: AA/2017/0002790 ngày 11-02-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Yên Bái.

Án xử công khai sơ thẩm, đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo qui định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh
- VKSND h uyện
-THA dân sự h.Y;
- Các đ- ơng sự;
- L- u HS, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Hoàng Kim Sơn